

**chÝnh phñ**

Sè: **130/2005/NŞ-CP**

**céng hợp x· hói chñ nghŭa viÖt nam**  
**Şéc lĕp - Tù do - H¹nh phóc**

*Hụ Néi, ngày 17 tháng 10 năm*  
*2005*

**ngĥP ®ĥnh**

**Quy ®ĥnh chỖ ®é tù chñ, tù chĥu tr, ch nhiÖm vÒ sỖ  
đông bi²n chỖ vµ kinh phÝ qu¶n lý hính chÝnh ®èi vói  
c, c c- quan nhự n-íc**

**ChÝnh phñ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

**ngĥP ®ĥnh :**

**Chương I**

**Nh÷ng quy Şĥnh chung**

### **Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh**

1. Nghị định này quy định chỖ ®é tù chñ, tù chĥu tr, ch nhiÖm vÒ sỖ đông biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước có tài khoản và con dấu riêng (sau đây gọi tắt là cơ quan thực hiện chỖ ®é tù chñ), bao gồm:

- a) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- b) Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước;
- c) Tòa án nhân dân các cấp; Viện Kiểm sát nhân dân các cấp;

d) Văn phòng Hội đồng nhân dân, Văn phòng Ủy ban nhân dân; các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

đ) Văn phòng Hội đồng nhân dân, Văn phòng Ủy ban nhân dân; các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố, thị xã thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Việc thực hiện chỗ ở từ chỗ đối với Ủy ban nhân dân cấp xã, phường do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ vào các quy định tại Nghị định này, hướng dẫn của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ và điều kiện thực tế tại địa phương để quyết định.

3. Các cơ quan thuộc Đảng Cộng sản Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội được cơ quan có thẩm quyền giao biên chế và kinh phí quản lý hành chính xem xét từ quy định riêng việc áp dụng các quy định tại Nghị định này.

4. Các cơ quan thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Ban Cơ yếu Chính phủ riêng như cấp kinh phí quản lý hành chính không thuộc đối tượng thực hiện Nghị định này.

## **Điều 2. Mục tiêu thực hiện chỗ ở từ chỗ, từ chỗ trú, trách nhiệm và số đông biên chế và kinh phí quản lý hành chính**

1. Tạo điều kiện cho các cơ quan chỗ ở trong việc số đông biên chế và kinh phí quản lý hành chính một cách hợp lý nhất có hạn thành từ chỗ năng, nhiệm vụ riêng giao.

2. Thúc đẩy việc sắp xếp, tổ chức bộ máy tinh gọn, thực hiện tiết kiệm, Cheng l.ng phý trong việc số đông lao động, kinh phí quản lý hành chính.

3. Nâng cao hiệu suất lao động, hiệu quả sử dụng kinh phí quản lý hành chính, tăng thu nhập cho dân, Cheng chóc.

4. Thực hiện quyền từ chỗ Đảng thể hiện với trách nhiệm của Thủ tướng Chính phủ và các bộ, công chức trong việc thực hiện nhiệm vụ riêng giao theo quy định của pháp luật.

**Điều 3. Nguyên tắc thực hiện chỗ thuê từ chỗ, từ chức trách nhiệm và số đông biên chế và kinh phí quản lý hành chính**

1. Bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.
2. Không tăng biên chế và kinh phí quản lý hành chính được giao, trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 9 của Nghị định này.
3. Thực hiện công khai, dân chủ và bảo đảm quyền lợi hợp pháp của cán bộ, công chức.

**Chương II**

**Nội dung chỗ thuê từ chỗ, từ chức trách nhiệm và số đông biên chế và kinh phí quản lý hành chính**

**Điều 4. Về biên chế**

Căn cơ số biên chế thuê từ chỗ, cơ quan thực hiện chỗ thuê từ chỗ thuê quyền chức trong việc số đông biên chế như sau:

1. Số thuê quyết định việc sắp xếp, phân công công việc, công chức theo vị trí công việc có báo cáo hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của cơ quan.
2. Số thuê điều kiện công việc, công chức trong nội bộ cơ quan.
3. Trùng hợp số đông biên chế thấp hơn số vị trí chức thuê từ chỗ thuê, cơ quan vẫn thuê bổ sung kinh phí quản lý hành chính theo chức thuê từ chỗ thuê thuê.
4. Số thuê hập tăng thu nhập khoản công việc vụ hập tăng lao thuê thuê với mức số chức danh theo quy định của pháp luật trong phạm vi ngân sách kinh phí quản lý hành chính thuê thuê.

**Điều 5. Nguồn kinh phí quản lý hành chính của cơ quan nhà nước**

Kinh phí quản lý hành chính giao cho cơ quan thực hiện chỗ thuê từ chỗ từ các nguồn sau:

1. Ngân sách nhà nước cấp.
2. Các khoản phí, lệ phí được để lại theo chế độ quy định.

3. Các khoản thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 6. Kinh phí quản lý hành chính giao thông thực hiện chức năng**

1. Kinh phí quản lý hành chính giao thông cho các cơ quan thực hiện chức năng được xác định và giao hàng năm trên cơ sở biên chế được cấp có thẩm quyền giao, kế hoạch biên chế dự bị (nếu có) và định mức phân bổ ngân sách nhà nước tính trên biên chế; các khoản chi hoạt động nghiệp vụ đặc thù theo chế độ quy định.

2. Nội dung chi của kinh phí giao, gồm:

a) Các khoản chi thanh toán cho công nhân: tiền lương, tiền công, phụ cấp lương, các khoản đóng góp theo lương, tiền thưởng, phúc lợi tập thể vụ các khoản thanh toán khác cho công nhân theo quy định;

b) Các khoản chi nghiệp vụ chuyên môn: thanh toán dịch vụ công cộng, vận tải vận hành, thông tin, tuyến truyền, liên lạc, hội nghị, công tác phí trong nước, chi cho các đoàn đi công tác nước ngoài vụ các đoàn khách nước ngoài vào Việt Nam (phần bù trừ trong định mức chi thường xuyên), chi phí thu mua, chi nghiệp vụ chuyên môn của tổng ngành, mua sắm, sửa chữa thường xuyên tại sân cè định;

c) Các khoản chi khác có tính chất thường xuyên ngoài nội dung quy định tại Điều 7 Nghị định này.

3. Sử dụng kinh phí - chi giao :

a) Kinh phí - chi giao được phân bổ vào nhóm mục chi khác của mục lục ngân sách nhà nước. Căn cứ vào tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao, Thủ trưởng cơ quan thực hiện chức năng tự quyết định bố trí số kinh phí - chi giao vào các mục chi cho phù hợp; được quyền điều chỉnh giữa các mục chi nếu xét thấy cần thiết;

b) Cơ quan thực hiện chức năng tự chi - chi vẫn đồng các chức năng chi tiêu tại chính hiện hành để thực hiện, nh-ng kh-ng - chi v-ít qu, m-oc chi tài do cơ quan nh-ic cũ thêm quyền quy định.

### **Điều 7. Kinh phí giao nh-ng không thực hiện chức năng**

1. Ngoài kinh phí quản lý hành chính giao ○ó thực hiện chỗ ○é từ chñ theo quy định tại Điều 6 NghĐ ○Đnh nuy, hàng năm cơ quan thực hiện chỗ ○é từ chñ còn được ngân sách nhà nước bố trí kinh phí để thực hiện một số nhiệm vụ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền giao, gồm:

- a) Chi mua s<sup>3</sup>am, chi sửa chữa lớn tài sản cố định;
- b) Chi đóng niên liễm, vốn đối ứng các dự án theo hiệp định với các tổ chức quốc tế;
- c) Chi thực hiện các nhiệm vụ có tính chất đột xuất được cấp có thẩm quyền giao;
- d) Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;
- đ) Kinh phí thực hiện tinh giản biên chế (nỗu cã);
- e) Kinh phí đào tạo, bãi d-ìng cán bộ, công chức nhu n-íc;
- g) Kinh phí nghiên cứu khoa học;
- h) Kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản theo dự án được cẾp cã thÈm quyền ph<sup>a</sup> duyệt;
- i) Kinh phí thực hiện các nhiệm vô kh«ng th-êng xuy<sup>a</sup>n khác.

2. Việc phân bổ, quản lý, sử dụng kinh phí quy ○Đnh t<sup>i</sup>i SiĐu nuy thực hiện theo c, c quy định hiện hành.

### **Điều 8. Sử dụng kinh phí quản lý hành chính tiết kiệm được**

1. Kết thúc năm ngân sách, sau khi đã hoàn thành các nhiệm vụ được giao, cơ quan thực hiện chỗ ○é từ chñ có số chi thực tế thấp hơn dự toán kinh phí quản lý hành chính được giao ○ó thực hiện chỗ ○é từ chñ thì phần chênh lệch này được xác định là kinh phí quản lý hành chính tiết kiệm được.

2. Ph<sup>1</sup>m vi sĐ dĐng kinh phí tiết kiệm được :

- a) Bổ sung thu nhập cho cán bộ, công chức: cơ quan thực hiện chỗ ○é từ chñ được áp dụng hệ số tăng thêm quỹ tiền lương tối đa không quá 1,0 lần so với mức tiền lương cẾp bÈc, chĐc vô do nhà nước quy định để chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức.

Trên cơ sở tổng nguồn kinh phí được phép chi trên đây, cơ quan thực hiện chỗ ®é từ chñ quyết ®Þnh phương án chi trả thu nhập tăng thêm cho từng cán bộ, công chức (hoặc cho từng bộ phận trực thuộc) theo nguyên tắc ph¶i gắn với hiệu quả, kết quả công việc của từng người (hoặc của từng bộ phận trực thuộc);

b) Chi khen thưởng và phúc lợi : chi khen thưởng định kỳ hoặc đột xuất cho tập thể, cá nhân theo kết quả công tác và thành tích đóng góp; chi cho các hoạt động phúc lợi tập thể của c, n bé, c«ng chøc; tr¶i cÊp kh¶ kh¶n ®ét xuÊt cho c, n bé, c«ng chøc, kể cả ®èi v¶i nh÷ng trường hợp nghỉ hưu, nghỉ mất sức; chi thêm cho người lao động trong biên chế khi thực hiện tinh giản biên chế;

c) Khi xét thấy khả năng tiết kiệm kinh phí không ổn định, c¶ quan thực hiÖn chỗ ®é từ chñ có thể trích lập quỹ dự phòng để ổn định thu nhập cho cán bộ, công chức.

Số kinh phí tiết kiệm được, cuối năm chưa sử dụng hết được chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng.

3. Thủ trưởng cơ quan thực hiện chỗ ®é từ chñ quyết định phương án sử dụng kinh phí tiết kiệm nêu trên sau khi thống nhất ý kiến b»ng v¶n b¶n với tổ chức Công đoàn cơ quan.

### **Điều 9. Điều chỉnh biên chế và mức kinh phí ®-ïc giao ®Ó thực hiÖn chỗ ®é từ chñ**

1. Chế tiêu biên chế ®-ïc xem xét ®iÖu chØnh trong tr-êng h¶p s, p nhËp, chia t, ch hoặc ®iÖu chØnh nhiệm vụ của c¶ quan thực hiÖn chỗ ®é từ chñ theo quyết ®Þnh của c¶ quan cũ thêm quyền quản lý biên chế.

2. Kinh phí quản lý hành chính ®-ïc giao được xem xét điều chỉnh trong các trường hợp sau:

a) Do điều chỉnh biên chế hành chính theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

b) Do điều chỉnh nhiệm vụ theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

c) Do nhà nước thay đổi chính sách tiền lương, thay đổi các định mức phân bổ dự toán ngân sách nhà nước, ®iÖu chØnh t¶ lơ ph©n bæ ng©n s, ch nhự n-ïc cho lĩnh vực quản lý hành chính.

3. Khi có phát sinh các yếu tố làm thay đổi mức kinh phí ®· giao, cơ quan thực hiện chỗ ®é từ chñ có văn bản đề nghị bổ sung, điều chỉnh dự toán kinh phí, giải trình chi tiết các yếu tố làm tăng, giảm dự toán kinh phí gửi cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp. Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp (trường hợp không phải là đơn vị dự toán cấp I) xem xét, tổng hợp dự toán của các đơn vị cấp dưới trực thuộc gửi đơn vị dự toán cấp I. Cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương (đơn vị dự toán cấp I) xem xét dự toán do các đơn vị trực thuộc lập, tổng hợp và lập dự toán chi ngân sách thuộc phạm vi quản lý gửi cơ quan tài chính cùng cấp để trình cấp có thẩm quyền quyết định.

### **Chương III**

#### **Trách nhiệm của các cơ quan thực hiện chỗ ®é từ chñ**

#### **Điều 10. Trách nhiệm của cơ quan thực hiện chỗ ®é từ chñ**

1. Thủ trưởng cơ quan thực hiện chỗ ®é từ chñ chịu trách nhiệm trước pháp luật về các quyết định của mình trong việc quản lý, sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính được giao.

2. Thực hiện các biện pháp tiết kiệm trong việc sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính; ban hành quy chế chi tiêu nội bộ, tổ chức thảo luận dân chủ, thống nhất trong cơ quan nhằm thực hiện tốt các mục tiêu và nhiệm vụ được giao.

3. Tổ chức thực hiện quy chế dân chủ, quy chế chi tiêu nội bộ, công khai tài chính trong việc quản lý và sử dụng biên chế, kinh phí quản lý hành chính trong cơ quan, tạo điều kiện cho tổ chức công đoàn và cán bộ, công chức trong cơ quan được tham gia thực hiện và giám sát thực hiện phương án sử dụng biên chế, kinh phí theo quy định của Nhà nước.

4. Hàng năm, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp kết quả thực hiện chỗ ®é từ chñ của ®-n vĐ m×nh.

#### **Điều 11. Trách nhiệm của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch ñy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**

1. Căn cứ vào biên chế và kinh phí quản lý hành chính được cơ quan có thẩm quyền giao, Thủ trưởng cơ quan chñ quản thực hiện giao

biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho các đơn vị dù trực thuộc, trong đó chi tiết dự toán kinh phí quản lý hành chính giao thực hiện chỗ đề từ chỉ theo quy định tại Điều 6 Nghị định này và dự toán kinh phí giao nh-ng kh-ng thực hiện chỗ đề từ chỉ theo quy định tại Điều 7 Nghị định này.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan trực thuộc tổ chức thực hiện chỗ đề từ chỉ theo quy định của Nghị định này và của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ.

3. Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định việc ủy ban nhân dân xã, phường thực hiện chỗ đề từ chỉ (khi cần có điều kiện cần thiết theo quy định).

4. Ban hành các tiêu chí cơ bản để làm căn cứ đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan trực thuộc khi thực hiện chỗ đề từ chỉ, trong đó phải có các tiêu chí như sau:

- a) Khối lượng, chất lượng công việc thực hiện;
- b) Thời gian giải quyết công việc;
- c) Tình hình chấp hành chính sách, chế độ và quy định về tài chính.

5. Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện chỗ đề từ chỉ của các cơ quan trực thuộc. Có biện pháp giải quyết, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện hoặc xử lý kỷ luật đối với các t-xc, cá nhân có vi phạm theo quy định của pháp luật.

6. Hàng năm, tổ chức đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện chỗ đề từ chỉ về số đông biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo quy định tại Nghị định này đối với các cơ quan trực thuộc; kiến nghị, đề xuất giải pháp tháo gỡ những khó khăn trong quá trình thực hiện gửi Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

## **Điều 12. Trách nhiệm của Bộ Tài chính**



1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ tæ chøc thực hiện Nghị định này; h-íng đến thùc hiõn chõ ®é tù chñ vò sò dông kinh phí qu¶n lý hính chÝnh.

2. Chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ tổ chức chỉ đạo, kiểm tra tình hình, tiến độ thực hiện chõ ®é tù chñ vò sò dông biên chế và kinh phí quản lý hành chính của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Hàng năm, báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện.

3. Chñ ®éng gi¶i quyết theo thêm quyền hoặc kiõn nghê cêp cã thêm quyền gi¶i quyết nh÷ng v-íng m³c, khã khñ trong qu, tr×nh thùc hiõn chõ ®é tù chñ vò sò dông kinh phí qu¶n lý hính chÝnh.

### **Điều 13. Trách nhiệm của Bộ Nội vụ**

1. Chñ tr× phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn chõ ®é tù chñ vò sò dông biên chế.

2. Phối hợp với Bộ Tài chính tổ chức chỉ đạo, kiểm tra tình hình, tiến độ thực hiện chõ ®é tù chñ vò sò dông biên chế và kinh phí quản lý hành chính ®-íc giao đối với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Húng nãm, báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết qu¶ thùc hiõn.

3. Chñ ®éng gi¶i quyết theo thêm quyền hoặc kiõn nghê cêp cã thêm quyền gi¶i quyết nh÷ng v-íng m³c, khã khñ trong qu, tr×nh thùc hiõn chõ ®é tù chñ vò sò dông biên chế.

## **Chương IV**

### **Điều khoản thi hành**

#### **Điều 14. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo vụ ®-íc ,p dông kó tã nãm ng©n s, ch 2006.

2. Bãi bỏ Quyết định số 192/2001/QĐ-TTg ngày 17 th,ng 12 nãm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về mở rộng thí điểm khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính.

3. Các cơ quan hành chính đang thực hiện khoản biên chế vụ kinh phí quản lý hành chính theo Quyết định số 192/2001/QĐ-TTg ngày 17 tháng 12 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ để thực hiện theo các nội dung quy định tại Nghị định này.

### **Điều 15. Tổ chức thực hiện**

1. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

2. Căn cơ các quy định Nghị định này, cơ quan cần thêm quyền của Tổng Công sản Việt Nam vụ các tác động chính trị - xã hội liên quan đến thực hiện để với các tác động trực tiếp./.

**tm. chính phủ**  
**Thủ tướng**  
**Phan Văn Khải**

#### **Nội nhiệm:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực tiếp Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Học viện Hành chính quốc gia;
- VPCP: BTCN, TBNC, các PCN, BNC, Ban Siêu hành 112, Ng-êi ph, t ng«n của Thủ tướng Chính phủ, các Vụ, Cục, đơn vị trực tiếp, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTT (5b). Trang (310b).